

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT

Ngày: 11 - 01 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr
- Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Lưu Thị Thu Hường
- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 261/2020/TLPT- DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2020/QĐ-PT ngày 22/12/2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Châu Y, sinh năm 1966, vắng mặt;

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc N, sinh năm 1952 (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/01/2020), có mặt;

Địa chỉ: Số 69 Nguyễn Đức C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- **Bị đơn:** Ông Chênh Mộc S, sinh năm 1952, vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp cây Đ, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1978 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2020), có mặt;

Địa chỉ: 59 T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trình bày:

Năm 2012, do có nhu cầu sản xuất tinh bột sắn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa tại địa phương, bà Nguyễn Thị Châu Y có gặp và làm việc với ông Chênh Mộc S để trao đổi lắp đặt dây chuyền sản xuất tinh bột sắn tại DNTN N. Sau khi trao đổi bàn bạc thống nhất bằng lời nói không lập thành văn bản. Nội dung thỏa thuận như sau:

Ông Chênh Mộc S có trách nhiệm lập thủ tục xin phép nhập khẩu một hệ thống đồng bộ dây chuyền sản xuất tinh bột sắn hiện đại nhất mà các nước tiên tiến đang sử dụng. Sau đó, vận chuyển tới lắp đặt tại DNTN N. Sau khi lắp đặt xong, phía ông S có trách nhiệm vận hành, chạy thử và cử nhân viên kỹ thuật hướng dẫn cho công nhân của DNTN N vận hành cho đến khi thành thạo. Đồng thời, phía ông S phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, hóa đơn chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dây chuyền máy móc, cũng như hồ sơ, giấy phép nhập khẩu kể cả tờ khai Hải quan... và ông S có trách nhiệm lập báo cáo tác động môi trường trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt làm cơ sở để phía DNTN N đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và lập thủ tục thế chấp vay tiền thanh toán cho ông S. Tổng giá trị hợp đồng là 10 tỷ, bà Y đã giao cho ông S 2,5 tỷ đồng theo yêu cầu.

Sau khi hoàn tất việc lắp đặt, chạy thử, bà Y yêu cầu ông S cung cấp hồ sơ, tài liệu chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dây chuyền cũng như báo cáo tác động môi trường để bà Y trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt lập thủ tục đăng ký thế chấp vay tiền thanh toán cho ông S, nhưng ông S không có để cung cấp nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng được.

Do ông S không cung cấp được giấy phép đăng ký kinh doanh, không được cấp giấy phép nhập khẩu hàng hóa, không đủ năng lực cung cấp thiết bị đủ điều kiện hoạt động tại Việt Nam và hoàn toàn không có hồ sơ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của thiết bị máy móc nên giao dịch này phải bị vô hiệu. Ông S khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thụ lý giải quyết vụ án.

Tại phiên hòa giải ngày 14/7/2017, đại diện của ông Chênh Mộc S đồng ý hợp đồng giữa ông Chênh Mộc S và DNTN N là giao dịch dân sự vô hiệu.

Sau buổi hòa giải ngày 14/7/2017, ông Chênh Mộc S đã đưa công nhân đến tháo dỡ, di chuyển toàn bộ hệ thống sản xuất tinh bột sắn ra khỏi khuôn viên DNTN N. Coi như bà Y đã giao trả toàn bộ những gì mà ông S đã lắp đặt nên bà Y không còn chịu trách nhiệm gì đối với tài sản của ông S.

Đối với số tiền 2,5 tỷ đồng mà ông S đã nhận đặt cọc của bà Y. Do hợp đồng vô hiệu, ông Chênh Mộc S đã nhận lại toàn bộ tài sản của mình, nhưng ông S không hoàn trả tiền đã nhận đặt cọc.

Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Chênh Mộc S phải trả cho bà Y số tiền gốc 2,5 tỷ đồng và tiền lãi tính từ ngày bà Y giao trả lại tài sản

cho ông S (14/7/2017) cho đến khi xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,75%/tháng theo quy định của pháp luật.

- Quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa năm 2012, bà Nguyễn Thị Châu Y có đến tham quan nhà máy sản xuất tinh bột mì của ông Chênh Mộc S tại Đồng Nai và có đặt ông S lắp đặt cho bà Y một dây chuyền sản xuất tinh bột mì. Toàn bộ giá trị dây chuyền là 10 tỷ đồng. Thỏa thuận trên được lập thành hợp đồng kinh tế nhưng vì lý do khách quan nên hai bên chưa ký kết hợp đồng được. Sau khi thỏa thuận xong bà Y chuyển cho ông S 2,5 tỷ đồng tiền đặt cọc.

Đến năm 2013, ông S đã lắp đặt hoàn chỉnh dây chuyền sản xuất, vận hành thử nghiệm và đã cho ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn và đã được bán cho Công ty A. Lúc này, ông S đã nhiều lần yêu cầu bà Y thanh toán cho ông S số tiền hợp đồng còn lại là 7,5 tỷ đồng và các chi phí phát sinh ngoài hợp đồng nhưng bà Y hứa hẹn khi bà Y được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất tinh bột mì sẽ vay vốn Ngân hàng trả cho ông S.

Đến năm 2015, bà Y được cấp giấy chứng nhận đầu tư nhà máy sản xuất tinh bột mì nhưng lúc này bà Y không muốn tiếp tục sản xuất mà bán toàn bộ dự án cho Công ty TNHH thương mại đầu tư YB do ông Trần Sỹ H làm giám đốc. Ông S đã yêu cầu bà Y phải thanh toán toàn bộ số tiền còn thiếu cho ông S, còn việc bà Y bán dự án cho ai là quyền của bà Y. Tuy nhiên, do đối tác nhận chuyển nhượng dự án của bà Y chỉ đồng ý mua giấy chứng nhận đầu tư cùng quyền sử dụng đất và nhà xưởng của bà Y mà không mua dây chuyền sản xuất nên bà Y yêu cầu ông S tháo dỡ hết toàn bộ dây chuyền máy móc, thiết bị mà ông S đã lắp đặt cho bà Y và tuyên bố không thanh toán số tiền còn thiếu cho ông S.

Toàn bộ máy móc là đồ mới mà ông S nhập từ nước ngoài về để lắp đặt, nếu tháo đi sẽ làm hư hỏng và giảm đi chất lượng rất nhiều trong khi ông S đã hoàn thành dây chuyền theo yêu cầu của bà Y. Như vậy, thiệt hại sẽ rất lớn, trong khi đó bà Y đã vi phạm hợp đồng, không trả tiền cho ông S, còn bắt ông S phải hoàn lại 2,5 tỷ đồng tiền đặt cọc. Hành động trên của bà Y là vi phạm pháp luật, xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích hợp pháp của ông S.

Vì vậy, ông S đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, buộc bà Y phải trả lại cho ông S số tiền 14,1 tỷ đồng (gồm số tiền còn lại của hợp đồng là 7,5 tỷ đồng và số tiền phát sinh ngoài hợp đồng). Tuy nhiên, bà Y không những không trả tiền mà còn có đơn yêu cầu buộc ông S phải hoàn lại cho bà Y 2,5 tỷ đồng tiền đặt cọc.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại biên bản hòa giải ngày 14/7/2017 thì bà Y đồng ý giao toàn bộ tài sản là máy móc còn lại được tháo dỡ ra khỏi nhà máy cho ông S tạm thời quản lý để tránh hư hỏng thêm. Số máy móc này sẽ được hoàn trả lại cho bà Y sau khi bà Y thanh toán hết số tiền

còn lại của hợp đồng là 7,5 tỷ đồng. Còn đối với yêu cầu khởi kiện khác liên quan đến việc lắp, đặt hệ thống máy móc hỗ trợ cho dây chuyền sản xuất thì ông S rút yêu cầu khởi kiện này.

Căn cứ theo sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã tuyên cho ông S được toàn quyền sở hữu số máy móc còn lại sau khi tháo dỡ khỏi nhà máy, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Y.

Tuy nhiên, khi vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định: Hợp đồng mua bán lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y là có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, vì ông S đã hoàn thiện việc lắp đặt nhà máy và dây chuyền sản xuất chế biến tinh bột mì, các máy móc, thiết bị được dùng lắp đặt đều có nguồn gốc, chứng từ chứng minh xuất xứ rõ ràng. Sau đó, dây chuyền sản xuất chế biến tinh bột mì đã được đưa vào vận hành cho ra sản phẩm bột mì đạt tiêu chuẩn kỹ thuật và số sản phẩm này cũng đã được bán ra thị trường, thu về lợi nhuận cho bà Y. Như vậy, ông S đã hoàn thành nghĩa vụ của bên lắp đặt, bà Y cũng thừa nhận, nghiệm thu dây chuyền sản xuất này và không có ý kiến gì tại thời điểm bàn giao này. Hợp đồng mua bán lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì là hợp đồng song vụ, ông S đã hoàn thành nghĩa vụ lắp đặt của mình, do đó bà Y phải thực hiện nghĩa vụ là thanh toán số tiền hợp đồng còn lại cho ông S là 7,5 tỷ đồng căn cứ vào Điều 410 Bộ luật dân sự 2015 quy định về thực hiện hợp đồng song vụ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tuyên bố buộc bà Y trả tiền mà lại tuyên giao toàn bộ máy móc, thiết bị đã tháo dỡ từ dây chuyền cho ông S để bù trừ nghĩa vụ trả tiền của bà Y là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, do đó Tòa án cấp phúc thẩm đã tuyên xử hủy bản án sơ thẩm làm lại từ đầu.

Vì vậy, khi vụ án được Tòa án nhân dân huyện Krông Bông thụ lý giải quyết lại thì vai trò tố tụng của hai bên bị đảo ngược lại, hiện tại bà Y là nguyên đơn, còn ông S là bị đơn.

Vì những lẽ trên, để đảm bảo giải quyết vụ án một cách triệt để, phía bị đơn đã làm đơn phản tố, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử tuyên: công nhận Hợp đồng mua bán lắp đặt nhà máy sản xuất chế biến tinh bột mì được giao kết giữa ông Chênh Mộc S và bà Nguyễn Thị Châu Y là có hiệu lực. Theo đó, buộc bà Nguyễn Thị Châu Y phải trả cho ông Chênh Mộc S số tiền hợp đồng còn lại là 7,5 tỷ đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 48; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 410, 423, 425; 427, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy hợp đồng lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y về yêu cầu ông Chênh Mộc S phải trả lại số tiền 2,5 tỷ đồng.

Buộc ông Chênh Mộc S phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Châu Y 2,5 tỷ đồng (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Châu Y đối với yêu cầu ông Chênh Mộc S phải trả 01 tỷ đồng tiền lãi phát sinh và yêu cầu tuyên bố hợp đồng lắp đặt thiết bị dây chuyền, máy móc chế biến tinh bột mì giữa bà Nguyễn Thị Châu Y với ông Chênh Mộc S vô hiệu.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về xử lý án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2020, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng Ngọc H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Chênh Mộc S.

Ngày 14/10/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc N đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y, do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự theo quy định.

Ngày 27/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung kháng cáo, bị đơn giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu phản tố và đơn kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung kháng nghị. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án chưa toàn diện, triệt để làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, bỏ sót người tham gia tố tụng, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, giải quyết vụ án chưa toàn diện, triệt để, không giải quyết đơn yêu cầu phản tố của bị đơn làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đặng Ngọc H, ông Phan Ngọc N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đặng Ngọc H và ông Phan Ngọc N trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ. Quyết định kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk ban hành đúng thẩm quyền và trong thời hạn luật quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét nhận thấy:

[2.1] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện: Việc xác lập hợp đồng lắp đặt dây chuyền sản xuất tinh bột mì trị giá 10 tỷ đồng nhưng không lập thành văn bản, bà Y đã giao cho ông S 2,5 tỷ đồng, ông S đã lắp đặt dây chuyền, thiết bị máy móc, đã chạy thử và cho ra sản phẩm tinh bột mì, các nội dung này được các bên đương sự thừa nhận nên đây là chứng cứ không cần phải chứng minh để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Châu Y yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch giữa các bên vô hiệu, buộc bị đơn trả 2,5 tỷ đồng đã nhận cùng lãi suất, bị đơn ông Chênh Mộc S có yêu cầu Tòa án tuyên công nhận và tiếp tục thực hiện hợp đồng, buộc bà Y phải trả cho ông S 7,5 tỷ đồng còn thiếu theo thỏa thuận của các bên, sau đó ông S chuyển giao lại dây chuyền, thiết bị máy móc cho bà Y. Cấp sơ thẩm xác định không đủ căn cứ để tuyên hợp đồng vô hiệu, hiện nay toàn bộ dây chuyền, thiết bị máy móc đã được bàn giao cho ông S, bà Y đã bán nhà xưởng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại đầu tư YB nên không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng và tuyên hủy hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, khi giải quyết hậu quả hợp đồng, cấp sơ thẩm chỉ buộc ông S trả lại cho bà Y số tiền 2,5 tỷ đồng mà không giải quyết phần hậu quả còn lại của hợp đồng vì cho rằng không có đương sự yêu cầu nên không đặt ra giải quyết và sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là giải quyết vụ án chưa toàn diện, triệt để. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng là do ông S đã có đơn yêu cầu phản tố đề nghị công nhận hợp đồng và tiếp tục thực hiện hợp đồng, yêu cầu bà Y phải trả cho

ông 7,5 tỷ đồng số tiền còn thiếu của hợp đồng, do đó nếu tuyên hủy hợp đồng thì cần phải giải quyết toàn bộ hậu quả của hợp đồng trong cùng một vụ án thì mới giải quyết được vụ án toàn diện, triệt để.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S trả lại số tiền 2,5 tỷ đồng cho bà Y nhưng chưa xem xét làm rõ khoản hao mòn dây chuyền, thiết bị máy móc trong quá trình vận hành tại DNTN N và đã làm ra sản phẩm tinh bột sắn. Như vậy, quyền lợi của các bên cũng chưa được đảm bảo.

[2.2] Về thu thập chứng cứ: Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng, mặc dù thiết bị đã được tháo dỡ, không còn tại chỗ lắp ráp nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ hệ thống máy móc, thiết bị đã tháo dỡ hiện nay đang ở đâu? Ai đang giữ những thiết bị, máy móc nào, trị giá của từng thiết bị là bao nhiêu? để xác định giá trị còn lại của thiết bị máy móc.... Như vậy, cấp sơ thẩm xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên không có cơ sở để xác định thiệt hại của hợp đồng.

[2.3] Bỏ sót người tham gia tố tụng: Tại Biên bản làm việc ngày 24/7/2017 (BL 119) của Tòa án cấp sơ thẩm tại DNTN N thể hiện là nhà máy của DNTN N đã được chuyển nhượng cho Công ty TNHH YB từ tháng 01/2017, có một số dây chuyền, thiết bị máy móc của ông S đã bị tháo rời mà ông S chưa chuyển đi đang nằm rải rác xung quanh nhà máy, có thiết bị dây chuyền đã được Công ty TNHH YB sử dụng cho việc xây dựng nhà máy mới, nhưng cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH YB vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ các bộ phận nào của dây chuyền, thiết bị máy móc của ông S được Công ty TNHH YB sử dụng để xem xét giải quyết trong cùng vụ án là xác định thiếu sót người tham gia tố tụng.

[2.4] Về thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố: Ông S có đơn yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng, buộc bà Y phải trả cho ông 7,5 tỷ đồng và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý đơn yêu cầu phản tố của ông S, đã thông báo và tiến hành hòa giải đối với yêu cầu này của ông S. Đồng thời Bản án sơ thẩm nhận định yêu cầu của ông S không phải là yêu cầu phản tố, nhưng không đình chỉ trả lại đơn yêu cầu cho đương sự và cũng không đề cập trong phần quyết định của Bản án là không đúng với quy định của pháp luật.

Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Ngọc H, ông Phan Ngọc N và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự có đơn kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Ngọc H, ông Phan Ngọc N và Quyết định kháng nghị số 1043/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DSST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Bông giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được xử lý khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Châu Y được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Phan Ngọc N đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0006792 ngày 20/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Chênh Mộc S được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Đặng Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0006793 ngày 22/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr